

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Không có gì tự đến đâu con.
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa.
Mùa bội thu phải một nắng hai sương,
Không có gì tự đến đâu bình thường.
Phải bằng cả bàn tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt,
Năm tháng bao dung, khắc nghiệt lạ kỳ.
Dẫu bây giờ cha mẹ đôi khi,*

*Có nặng nề yêu thương và giận dỗi.
Có roi vọt khi con hư và có lỗi
Thương yêu con, đâu đồng nghĩa với nuông
chiều!
Đường con đi dài rộng biết bao nhiêu.
Năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng,
Trời xanh đó nhưng chẳng bao giờ lặng,
Chỉ có con mới nâng nổi chính mình*

(Không có gì tự đến đâu con, Nguyễn Đăng Tấn, Lời ru vàng trắng, NXB Lao Động, 2000, Tr 42)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh cho thấy “không có gì tự đến” trong đoạn thơ:

*Không có gì tự đến đâu con.
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa.
Mùa bội thu phải một nắng hai sương,*

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn thơ

*Không có gì tự đến đâu bình thường.
Phải bằng cả bàn tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt,*

Câu 4. Nội dung những dòng thơ sau có ý nghĩa gì đối với anh/chị?

*Đường con đi dài rộng biết bao nhiêu.
Năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng,
Trời cao đó nhưng chẳng bao giờ lặng,*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết phải biết tự khẳng định mình.

Câu 2 (5,0 điểm)

... “Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lòe phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cuối lên thác

Sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đứng luồng rồi, ông đồ ghè cương lái, bám chắc lấy luồng nước đứng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lồi vào tập đoàn cửa tử. Ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thẳng đá tưởng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngưu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vận mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đồ đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tưởng dữ quân tợn vừa rồi”...

(Trích Người lái đò Sông Đà, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, Tr.189-190)

Anh /Chị hãy phân tích đoạn trích trên; từ đó, nhận xét nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn trích.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh:.....

Chữ ký cán bộ coi thi 1: ; Chữ ký cán bộ coi thi 2:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC-HIỂU	3.0
	1	Thẻ thơ: tự do Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh không trả lời đúng thẻ thơ “tự do”: không cho điểm	0,75
	2	- Những hình ảnh cho thấy “không có gì tự đến” trong đoạn thơ: <i>Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa. Mùa bội thu phải một nắng hai sương,</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra được ba hình ảnh: 0,75 điểm. - Học sinh chỉ ra được hai hình ảnh: 0,5 điểm. - Học sinh chỉ ra được một hình ảnh: 0,25 điểm	0,75
	3	- So sánh việc con người nỗ lực tự mình làm ra thành quả như con chim suốt ngày chọn hạt. - Hiệu quả: + Quá trình chọn hạt của con chim tỉ mỉ, chăm chỉ, cần cù, nhẫn nại như quá trình làm ra thành quả của con người. Nó khó khăn nhọc nhằn đòi hỏi con người phải có sự kiên trì, nỗ lực mới tự mình tạo ra giá trị tốt đẹp cho cuộc đời. + Câu thơ sinh động, gợi hình, biểu cảm. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được biểu hiện của so sánh và đầy đủ hiệu quả: 1,0 điểm. - Học sinh chưa nêu được biểu hiện của so sánh hoặc nêu hiệu quả chưa đầy đủ : 0,5 điểm --> 0,75 điểm. - Học sinh nêu được biểu hiện của so sánh, chưa hiểu ý nghĩa của hình ảnh so sánh: 0,25 điểm.	1,0
	4	- Đoạn thơ có ý nghĩa: Những năm tháng của tuổi trẻ còn rất dài rộng ở phía trước. Cuộc sống luôn có những lớp sóng ngầm. Khuyến con người biết lường trước, chấp nhận những khó khăn. Cần giữ cho lòng mình luôn trẻ trung, tràn đầy sức sống và sống có tự trọng, kiêu hãnh làm người; bản lĩnh, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.	0,5

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh bày tỏ rõ ràng, thuyết phục: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh bày tỏ chưa rõ ràng, chưa thuyết phục: 0,25 điểm.</p>	
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải biết tự khẳng định mình.	
		<p>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng nội dung nghị luận: sự cần thiết phải biết tự khẳng định mình.</p>	0.25
		<p>c. Triển khai nội dung nghị luận thành các ý cụ thể; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>- Khẳng định mình là: Biết chứng tỏ năng lực, đóng góp của bản thân bằng chính nỗ lực và cố gắng tự thân.</p> <p>- Sự cần thiết của phải biết tự khẳng định mình.</p> <p>+ Thể hiện tính tự lập, sự tự trọng, có ý thức cao về ý nghĩa của cuộc sống, có nghị lực và bản lĩnh.</p> <p>+ Là nhu cầu bức thiết, khát vọng chính đáng của mỗi người.</p> <p>+ Là con đường đi đúng đắn để góp phần hoàn thiện bản thân, đưa năng lực vào thực tế, phát triển bản thân.</p> <p>+ Khẳng định mình để không sống mờ, sống nhạt. Những giá trị cuộc sống tự mình tạo ra thì mới có thể bền lâu. Đem đến niềm hạnh phúc cho chính bản thân, sự tự tin và tự hào, nhận được sự tôn trọng của người khác.</p> <p>+ Là cơ sở để con người đóng góp cho cuộc đời. In dấu ấn cá nhân trong không gian và thời gian, nhất là trong môi trường và lĩnh vực họ hoạt động.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1.0 điểm).</p> <p>- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm).</p> <p>- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 điểm).</p>	1.0 0,25 0,75

	<i>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
	<p><i>d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận</i></p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i></p>	0.25
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0.25
2	- Phân tích đoạn trích; từ đó, nhận xét nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn trích.	5.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.</i>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích đoạn trích; từ đó, nhận xét nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn trích.</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</i></p> <p><i>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</i></p>	0.5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau về nội dung:</p>	
	<p>* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Tuân (0,25 điểm), tác phẩm “Người lái đò sông Đà”, và vị trí của đoạn trích (0,25 điểm)</p> <p>- Nguyễn Tuân là nhà văn có tài, có tâm và có phong cách nghệ thuật độc đáo. Ông luôn say mê và suốt đời săn tìm cái đẹp. Nguyễn Tuân là nhà văn của cảnh trí và phong vị non sông, gấm vóc. Ông luôn khám phá phát hiện con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ.</p> <p>- Tùỳ bút “Người lái đò Sông Đà” (Sông Đà, 1960) thể hiện những khám phá phát hiện về “chất vàng mười” của thiên nhiên và “chất vàng mười đã qua thử lửa” của người lao động.</p> <p>- Vị trí của đoạn văn: Khắc họa thác nước sông Đà, ông lái đò trong và sau khi vượt thác ở thạch trận 2,3.</p>	0.5
	Phân tích đoạn trích	2.5
	Thác nước sông Đà và cảnh vượt thác	1,25

	<p>* Đội quân đá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bày binh bố trận. + Thạch trận 1: Có 4 cửa tử, một cửa sinh phía tả ngạn. + Thạch trận 2: Bố trí lắt léo tăng lên nhiều cửa tử đánh lừa con thuyền vào cửa sinh bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. + Thạch trận 3: Bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống nằm ở giữa, có bọn đá hậu vệ. <p style="padding-left: 40px;">-> Binh pháp biến hóa của thần sông thần đá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá sông Đà: Là những chiến binh ; được phân chia nhiệm vụ: hậu vệ. Có chức vụ: đá tướng và đá quân; tâm lí: tiu nghỉ cái mặt xanh lè thất vọng khi không lôi được con thuyền và người lái đò vào cửa tử. <p>* Đội quân nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Âm thanh của nước hò reo uy hiếp tinh thần của người lái đò - Hành động, động tác: táo tợn, liều lĩnh: xô ra, định níu thuyền, lôi vào <p>→ Sông Đà hung bạo: dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Dòng sông bày đặt trận địa chờ con đò và người lái đò đi tới để hủy diệt sự sống.</p> <p>* <i>Phân tích ông lái đò khi vượt thác trong đoạn trích</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường lao động đầy hiểm họa. - Phẩm chất + Trí tuệ: Ông thuộc quy luật phục kích của cửa ải nước. Ông đò có chiến thuật linh hoạt, hợp lí : <i>Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông dè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến.</i> + Anh hùng, dũng cảm: Quyết tâm một sống một chết với con sông hung bạo. Cưỡi lên sóng thác sông Đà đến cùng như là cưỡi hổ; sau khi vượt qua sóng thác thì không bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua. Ông không cho đó là chiến công mà chỉ là chuyện thường ngày. + Tài hoa: Nhịp đi của con thuyền do ông điều khiển linh hoạt còn hơn là sự thay đổi chiến thuật và sự lắt léo trong bày binh bố trận của thác. Sau khi vượt thạch trận 2 ông đã thay đổi luôn chiến thuật; động tác lao động biến ảo được nâng lên thành nghệ thuật: <i>Nắm chặt lấy cái bờm của sóng, gò cương lái, tránh mặt, rảo bơi chèo lên, dè sấn lên chặt đôi ra; mở đường tiến</i> 	
	<p>Sông Đà sau khi hết thác và phong thái sống của người lái đò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dòng sông hiền hòa thơ mộng: Nghệ thuật nhân hóa được sử dụng miêu tả dòng sông vượn mình vào một cái bến cát có hang lạnh; âm thanh tiếng thác nước không còn gầm réo “sóng thác xèo xèo” tan trong trí nhớ. 	0,5

	<p>- Phong thái sống của người lái đò: Ung dung tận hưởng thú vui sống, nướng cơm, bàn về các loài cá. Từ đó thấy được vẻ đẹp và tâm hồn nghệ sĩ ở ông.</p>	
	<p>Nghệ thuật</p> <p>- Điểm nhìn quan sát và miêu tả: cận cảnh trong tâm thế của một con người đang sắp sửa bước vào trận chiến đấu với dòng sông</p> <p>- Khắc họa hình tượng ông lái đò tương phản với con sông hung bạo và tương quan với dòng sông hiền hòa khi hết thác</p> <p>- Sử dụng cấu trúc câu văn danh từ kết hợp với động từ, câu ghép chuỗi. Giọng văn, nhịp văn gấp gáp, dồn dập.</p> <p>- Ngôn từ: độc đáo, mới lạ, giàu hình ảnh. Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, liệt kê gọi đặc điểm của thác nước sông Đà và vẻ đẹp của người lái đò</p>	0,5
	<p><i>*Đánh giá</i></p> <p>Bằng những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc, đoạn trích đã khắc họa sự hung bạo, đầy hiểm họa của con sông nơi trận địa của thác, hé mở vẻ đẹp trữ tình của dòng sông sau khi hết thác. Thể hiện niềm yêu mến và tự hào về quê hương, đất nước. Đoạn văn còn ca ngợi người lái đò hiền ngang trên sóng thác Đà giang. Thể hiện sự trân trọng ngưỡng mộ đối với những người lao động vô danh.</p>	0,25
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</p>	
	<p>Nhận xét nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn trích.</p>	0,5
	<p>- Ông là nhà văn của cảnh trí và phong vị non sông gấm vóc. Ông tìm kiếm phát hiện và miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên. Điều đó được thể hiện qua hình tượng sông Đà.</p> <p>- Nguyễn Tuân luôn tiếp cận và khắc họa con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ. Khái niệm rộng về chất nghệ sĩ, tài hoa: Ông quan niệm người giỏi trong bất cứ lĩnh vực nào đều là người tài hoa nghệ sĩ. Bởi thế trong đoạn trích ông đã khắc họa một lái đò nghệ sĩ. Đoạn trích cũng thể hiện sự vận động trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân so với sáng tác trước cách mạng tháng Tám. Đó là ông không chỉ đi tìm vẻ đẹp ở những con người phi thường, đặc tuyển mà còn tìm kiếm và phát hiện vẻ đẹp của người lao động trong cuộc sống hôm nay.</p> <p>- Huy động kiến thức nhiều ngành quân sự, võ thuật thể thao...để tăng</p>	

	<p>cường khả năng quan sát và miêu tả của văn chương</p> <p>- Trí tưởng tượng phong phú. Câu văn giàu nhịp điệu, ngôn từ độc đáo mới lạ</p> <p>---> Nguyễn Tuân là nhà văn có phong cách nghệ thuật độc đáo</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trình bày được 4 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trình bày được 2 ý: 0,25 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; Có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của tùy bút Nguyễn Tuân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0.5

Người soạn đề và đáp án : Đinh Thị Ngọc Vân
 Người phản biện 1: Bùi Đình Nhiều
 Người phản biện 2 : Nguyễn Thị Hoàng Hải

